

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/DS-PT
Ngày: 09 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp thừa kế về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Thừa kế về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 211/2023/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2024/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh T; trú tại: Tổ A, KV1, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn H, trú tại: Tổ A, KV1, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T1; trú tại: Tổ C, KV4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Ông Lê Văn C; trú tại: Thôn B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà Lê Thị Thu H1; trú tại: Tổ A, KV2, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

4. Bà Lê Thị Thu N; trú tại: Tổ I, KV2, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

5. Bà Lê Thị C1; trú tại: Tổ B, KV4, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

6. Ông Lê Công T2 (chết ngày 19/7/1999).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Công T2 (chết): Anh Lê Văn S; trú tại: Tổ A, KV1, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T1, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thu H1, bà Lê Thị Thu N, bà Lê Thị C1, anh Lê Văn S: là ông Lê Minh T; trú tại: Tổ A, KV1, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền ngày 25/7/2022). (có mặt)

7. Ông Lê Văn X. (có đơn xét xử vắng mặt)

8. Ông Lê Công M. (có mặt)

Cùng trú tại: Tổ C, KV1, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

9. Bà Hồ Thị N1. (có mặt)

10. Anh Lê Thành T3. (có mặt)

Cùng trú tại: Tổ A, KV1, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

11. Ông Lê Văn T4 (chết ngày 23/9/2020).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T4 (chết):

11.1. Chị Trần Thị Mỹ D.

11.2. Chị Lê Trần Hải H2.

Cùng trú tại: Tổ I, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

11.3. Chị Lê Trần Thị Cẩm T5.

11.4. Chị Lê Trần Thị Thùy T6.

11.5. Chị Lê Trần Thị Tú U.

Cùng trú tại: Tổ I, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Mỹ D, chị Lê Trần Hải H2, chị Lê Trần Thị Cẩm T5, chị Lê Trần Thị Thùy T6, chị Lê Trần Thị Tú U: Ông Lê Công M (văn bản ủy quyền ngày 27/7/2022). (có mặt)

12. Ông Lê Văn T7; trú tại: Thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T7: Ông Lê Minh T (văn bản ủy quyền ngày 28/02/2023). (có đơn xét xử vắng mặt)

13. Ông Lê Văn X; trú tại: Thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn X: Ông Lê Minh T (văn bản ủy quyền ngày 27/3/2023). (có đơn xét xử vắng mặt)

14. Bà Lê Thị T8 (chết ngày 07/9/2018).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T8 (chết):

14.1. Ông Lê Văn H3.

14.2. Chị Lê Thị Thùy T6.

Cùng trú tại: Cư xá T, lô I, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H3, chị Lê Thị Thùy T6: ông Lê Công M (văn bản ủy quyền ngày 25/3/2023). (có mặt)

15. Bà Lê Thị Kim O (chết ngày 16/3/2000).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Kim O (chết): Anh Lê

Tiền K; trú tại: Thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. (vắng mặt)

16. Bà Lê Thị Thu H1. (vắng mặt)

17. Ông Lê Văn H4. (vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn R; nơi cư trú: Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (có đơn xét xử vắng mặt).

2. Anh Lê Văn S; nơi cư trú: Tổ 1, KV1, phường G, TP ., tỉnh Bình Định (có đơn xét xử vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Đức H5; nơi cư trú: Tổ 7, KV2, phường G, TP ., tỉnh Bình Định (có đơn xét xử vắng mặt).

4. Ông Võ Văn S1; nơi cư trú: Thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (có đơn xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn H là bị đơn và bà Hồ Thị N1, anh Lê Thành T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Minh T và là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thu H1, bà Lê Thị Thu N, bà Lê Thị C1, ông Lê Văn S, ông Lê Văn T7, ông Lê Văn X trình bày:

Cha mẹ ông là ông Lê C2 và bà Thái Thị L. Ông Lê C2 chết ngày 16 tháng 02 năm 2018, bà Thái Thị L chết ngày 17 tháng 8 năm 2014, cha mẹ của ông C2 và bà L đều chết trước 02 ông bà. Sinh thời, ông C2 bà L có 11 người con chung: Ông Lê Văn T4 (ông T4 chết năm 2020 có vợ là bà Trần Thị Mỹ D và các con Lê Trần Thị Tú U, Lê Trần Thị Cẩm T5, Lê Trần Thị Thùy T6, Lê Trần Hải H2), bà Lê Thị T1, ông Lê Công T2 (ông T2 chết năm 1999 có con là Lê Văn S), ông Lê Công M, ông Lê Minh T, ông Lê Văn C, bà Lê Thị C1, ông Lê Văn X, bà Lê Thị Thu N, bà Lê Thị Thu H1, ông Lê Văn H. Ông C2 chung sống với bà Nguyễn Thị M1 có 07 người con riêng gồm: Bà Lê Thị Kim O (bà O chết năm 2000 không có chồng, có 01 con: anh Lê Tiên K), ông Lê Văn T7; bà Lê Thị T8 (bà T8 chết năm 2018 có chồng: ông Lê Văn H3, con: chị Lê Thị Thùy T6), ông Lê Văn X, bà Lê Thị V (chết lúc còn nhỏ), bà Lê Thị Thu H1, ông Lê Văn H4.

Khi còn sống ông Lê C2 và bà Thái Thị L có tạo lập nhà, đất thuộc một phần thửa số 41, tờ bản đồ số 05 (đo vẽ năm 2005) tọa lạc tại tổ A, KV1, phường G, TP ., tỉnh Bình Định có diện tích 1.080,2m² (theo đo đạc tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2022 của Tòa án).

Nội dung tờ di chúc lần cuối của ông Lê C2 và bà Thái Thị L lập ngày 14/7/2014 cho anh Lê Thành T3, là không hợp pháp vì thời điểm lập di chúc ông C2, bà L không đủ điều kiện để lại thừa kế nhà, đất theo quy định của Luật đất đai và Luật nhà ở, cụ thể: ông C2, bà L chưa được cấp sổ đỏ đối với nhà và đất này; nội dung di

chức không rõ ràng, không thể hiện chiều dài, chiều rộng bao nhiêu, tứ cận như thế nào, tài sản nhà đất ở đâu.

Nay ông T7 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế về tài sản của ông Lê C2 và bà Thái Thị L theo pháp luật, ông T7 nhận hiện vật và thanh toán giá trị tài sản thừa kế của ông C2, bà L cho các đồng thừa kế khác.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Thông nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của ông C2, bà L và di sản của ông C2, bà L để lại; diện tích nhà, đất tranh chấp theo số liệu của Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2022 của Tòa án về các người con riêng của ông Lê C2.

Về nhà, đất này ông C2, bà L đã lập di chúc vào ngày 15/7/2014 cho anh Lê Thành T3 là con trai ông. Anh T3 đã thực hiện nghĩa vụ về thuế đối với người sử dụng nhà, đất này nên ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình sử dụng, ông có bỏ tiền san lấp ao, xây trụ rào tường và sửa lại nhà cấp 4 với diện tích 55m² tổng cộng là 277.000.000đ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Công M và là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ D, chị Lê Trần Hải H2, chị Lê Trần Thị Cẩm T5, chị Lê Trần Thị Thùy T6, chị Lê Trần Thị Tú U, chị Lê Thị Thùy T6, ông Lê Văn H3 trình bày:

Thông nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của ông C2, bà L và di sản của ông C2, bà L để lại: diện tích nhà, đất tranh chấp theo số liệu của Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và các con riêng của ông Lê C2; Đồng ý chia thừa kế tài sản của ông C2, bà L theo quy định pháp luật, cho rằng di chúc như lời bị đơn khai là không hợp pháp và điều nhường kỷ phần thừa kế được chia cho nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giao ông Lê Minh T nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N1 trình bày:

Thông nhất với trình bày của bị đơn ông Lê Văn H, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thành T3 trình bày:

Ông Lê C2 có tờ di chúc (lần cuối) có sự chấp thuận của 11 người con giao lại cho anh tài sản cụ thể: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 120m²; 01 ao nuôi cá trước mặt nhà, diện tích 500m². Nhà này không phải là nhà từ đường, ao này không phải là ao hương hỏa. Trước khi mất ông C2 đã giao nhà cho 11 người con mà không ai nhận nên đã giao lại cho anh. Quá trình quản lý, sử dụng ông Lê Văn H (ba anh) có sửa nhà, lấp ao với số tiền 195.000.000đ và đóng thuế nhà, đất từ năm 1992 đến 2023. Anh cho rằng ngôi nhà này và cái ao này là ông bà nội Lê C2 và Thái Thị L cho theo “tờ di chúc lần cuối” vào ngày 15/7/2014 là hợp lệ.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn X trình bày:

Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của ông C2, bà L và di sản của ông C2, bà L để lại: diện tích nhà, đất tranh chấp theo số liệu của Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2022 của Tòa án và các người con riêng của ông Lê C2; đồng ý chia thừa kế tài sản của ông C2, bà L để lại và yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế được chia bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H1 trình bày:

Bà là con ông Lê C2 và bà Nguyễn Thị M1. Ông C2 chung sống với bà Nguyễn Thị M1 có 07 người con riêng như nguyên đơn trình bày là đúng. Bà từ chối nhận kỷ phần thừa kế của ông C2 liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H4 trình bày:

Thống nhất như trình bày của bà Lê Thị Thu H1 về quan hệ huyết thống với ông C2. Ông từ chối nhận kỷ phần thừa kế của ông C2 liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày:

Năm 2016, ông Lê C2 có gọi ông sửa nhà và làm mái hiên. Ông và 02 thợ ở Phú Yên ra làm và ông C2 là người trực tiếp thanh toán tiền công cho anh.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn R trình bày:

Ông không có quan hệ bà con gì với ông Lê Văn H. Cách đây đã lâu ông có bán vật liệu xây dựng cho ông H nhưng không nhớ rõ thời gian vì mua bán nhỏ nên không có giấy tờ hoá đơn gì lưu giữ, không nhớ giá trị bao nhiêu tiền và ông H đã thanh toán đủ bằng tiền mặt.

Người làm chứng ông Nguyễn Đức H5 trình bày:

Ông không có quan hệ bà con, quen biết gì ông Lê Văn H. Ông H thuê ông san lấp ao diện tích trên 400m², sâu khoảng hơn 3m (Diện tích ao do tự ước lượng chứ không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện diện tích hồ san lấp cũng như độ sâu của hồ) và đục xây bờ rào có hợp đồng viết tay vào ngày 02/7/2018. Ông đã hoàn thành công việc được thuê trước 30 ngày và ông nhận đủ số tiền theo thoả thuận 195.000.000 đồng do ông H thanh toán. Ông không còn giữ bản gốc Hợp đồng san lấp ao nhưng chữ ký trong Hợp đồng san lấp ao và dòng chữ xác nhận đã nhận đủ tiền ngày 28/8/2018 của Hợp đồng san lấp ao lưu tại hồ sơ vụ án là do ông viết và ký.

Người làm chứng anh Lê Văn S trình bày:

Anh là cháu gọi ông T và ông H là chú ruột. Theo ông H khai có nhờ anh gọi thợ sửa chữa một phần ngôi nhà và làm mái hiên là di sản thừa kế là không đúng. Lúc sửa nhà ông nội Lê C2 còn sống, anh có đưa số điện thoại ông thợ tên S1 (0383.409.597) - cho ông C2 gọi ông S1 đến sửa nhà. Anh không nhớ cụ thể năm nào vì đã lâu. Ông S1 với ông Lê Văn C (chú 7 của anh) cùng sửa nhà và ông nội anh (Lê C2) trực tiếp thanh toán tiền thợ sửa nhà và làm mái hiên.

Người làm chứng ông Võ Văn S1 trình bày:

Ông không nhớ rõ năm nào, Lê Văn S là anh em rể với ông gọi điện thoại bằng

số máy của S đưa cho một người đàn ông khác nói chuyện với ông (sau này ông mới biết là đó là ông nội của S) nhờ ông sửa nhà. Sau đó ông ra sửa nhà cho ông nội của S trong vòng 6-7 ngày là xong. Ông sửa nhà tính công ngày cùng với chú của S (tên là C) và được ông nội của S trực tiếp trả tiền. Ông chỉ sửa nhà còn mái hiên ông C làm chứ ông không làm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 211/2023/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản ông Lê Minh T.

1.1. Xác định quyền sở hữu ngôi nhà hiện trạng xây dựng 129,1m² là gắn liền quyền sử dụng diện tích đất 1.080,2m² thuộc một phần thửa số 41, tờ bản đồ 05 (đo vẽ năm 2005) tọa lạc tại tổ A, KV1, phường G, TP., tỉnh Bình Định là di sản thừa kế của ông Lê C2 và bà Thái Thị L.

1.2. Xác định di chúc của ông Lê C2 và bà Thái Thị L lập ngày 14/7/2014 cho anh Lê Thành T3 là không hợp pháp.

1.3. Giao ông Lê Minh T được quyền sở hữu ngôi nhà mã N6, chất lượng còn lại 60%, tổng diện tích hiện trạng xây dựng là 129,1m² gắn liền quyền sử dụng đất 1.080,2m² gồm có 150m² đất ở và 930,2m² đất vườn thuộc một phần thửa số 41, tờ bản đồ 05 (đo vẽ năm 2005) tọa lạc tại tổ A, KV1, phường G, TP, tỉnh Bình Định (có Trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án này); tứ cận: Đông giáp nhà ông Lê Văn S; Tây giáp nương; Nam giáp nương; Bắc giáp đường bê tông, miếu.

Ông Lê Minh T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo nội dung quyết định của bản án này theo đúng quy định pháp luật.

1.4. Buộc ông Lê Minh T có nghĩa vụ thanh toán cho:

- Ông Lê Văn H: Giá trị kỷ phần thừa kế được chia là 143.778.000đ; chi phí san lấp ao 35.000.000đ; chi phí xây tường rào là 35.859.000đ; giá trị cây cối: 15.266.000đ. Tổng cộng: 229.903.000đ.

- Ông Lê Văn X giá trị kỷ phần thừa kế được chia là 143.778.000đ; anh Lê Tiên K giá trị kỷ phần thừa kế được chia là 66.754.000đ.

- Anh Lê Thành T3 tiền truy thu thuế 28.045.000đ.

1.5. Ông Lê Minh T được trọn quyền sử dụng tường rào gồm: móng đá chẻ 17,15m², trụ bê tông cốt thép 35 trụ: 0,7m³; lưới B40: 114,336m và các cây cối gồm 16 cây dừa xiêm, 180 bụi chuối; 02 cây bưởi, 02 cây xoài, 02 cây có quả đường kính < 10cm, 01 cây mít (theo Biên bản định giá ngày 06/7/2023).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 27/9/2023 bị đơn ông Lê Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N1, anh Lê Thành T3 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu

cầu cấp phúc thẩm xem xét công nhận tờ di chúc ngày 15/7/2014 là hợp pháp, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa các con của ông Lê Công T2 (gồm có anh Lê Văn B, chị Lê Thị N2, anh Lê Văn L1) đang sinh sống tại Hà Lan vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tại phiên tòa ông H, bà N1, anh T3 không yêu cầu tòa xét anh Lê Văn B, chị Lê Thị N2, anh Lê Văn L1 vì các ông bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh anh B, chị N2, anh L1 là con ông T2 đồng thời có đưa những người này vào tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, bà N1 và anh T3.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn H, bà Hồ Thị N1, anh Lê Thành T3. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm số 211/2023/DS-PT ngày 16/9/2023 của TAND thành phố Quy Nhơn theo hướng công nhận di chúc ngày 15/7/2014, giao anh Lê Thành T3 được hưởng di sản căn nhà cấp 4 diện tích 120m² và 500m² đất ao (đã lấp) thuộc một phần thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại tổ A, khu V, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định; phần còn lại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5 chia thừa kế theo pháp luật; cái ao đã lấp thuộc quyền sở hữu của anh T3 nên buộc anh T3 phải trả công lấp ao cho ông Lê Văn H số tiền 42.747.150đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ông Lê Minh T, ông Lê Văn X, anh Lê Tiến K, bà Lê Thị Thu H1, ông Lê Văn H4 (ông Lê Minh T, ông Lê Văn X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Do các đương sự được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N1, anh Lê Thành T3, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Về những người thừa kế: Ông H kháng cáo cho rằng ông T2 còn có 03 người con đang định cư ở Hà Lan nhưng ông không nêu được địa chỉ và cũng không cung cấp giấy tờ gì chứng minh, đồng thời các đồng thừa kế khác không thừa nhận và vấn đề này tại cấp sơ thẩm đã làm rõ tại công văn trả lời của Công an thành phố Q số 2892/CATP-QLHC ngày 15/9/2023 khẳng định ông Lê Công T2 có con đẻ là anh Lê Văn S ngoài ra không có thông tin về những người con khác. Do đó, có cơ sở xác định ông T2 chết năm 1999 có con là Lê Văn S thừa kế thế vị phần của ông T2 theo Sơ yếu lý lịch của UBND phường G xác nhận là đúng. Đồng thời do không chứng minh được ông T2 còn có 03 người con đang định cư ở Hà Lan nên tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà N1, anh T3 xin rút lại yêu cầu kháng cáo này .

[4] Về di sản thừa kế.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các bên đương sự thì HĐXX có đủ cơ sở để xác định ông Lê C2, bà Thái Thị L có tạo lập nhà, đất thuộc một phần thửa số 41, tờ bản đồ số 05 (đo vẽ năm 2005) tọa lạc tại

tổ A, KV1, phường G, TP, tỉnh Bình Định, nhà ở diện tích 129,1m², đất diện tích 1.080,2 m² (có sơ đồ bản vẽ ngày 21/10/2022 kèm theo) hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Căn cứ công văn số 4101/UBND-TD ngày 28 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Q đính kèm công văn số 794/TNMT ngày 18 tháng 11 năm 2022 Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố Q xác định thửa đất số 41 không vi phạm quy hoạch và phần diện tích đất tranh chấp đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Đồng thời theo Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh B thì hạn mức đất ở phường G thuộc TP. không quá 150m². Do đó, di sản của ông C2, bà L để lại gồm: 1.080,2m² đất (trong đó: đất ở 150m², đất vườn 930,2m²) và nhà trên đất.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 02/3/2023 của cấp sơ thẩm thì giá trị di sản 1.876.622.000đ (gồm giá trị đất, nhà và mái hiên)

[5] Xét tính hợp pháp của di chúc lập ngày 14/7/2014:

Không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn ông Lê Minh T. Bị đơn ông Lê Văn H xuất trình Tờ di chúc lần cuối của ông Lê C2 và bà Thái Thị L lập ngày 14/7/2014 cho anh Lê Thành T3 (con ruột bị đơn) có nội dung ông C2, bà L giao lại tài sản gồm 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 120m², 01 cái ao nuôi cá trước mặt nhà diện tích 500m² cho cháu nội là anh Lê Trọng T9. Xét thấy đây là Di chúc không được công chứng, chứng thực và không có người làm chứng nên đây là di chúc bằng văn bản không có người làm chứng, theo quy định tại Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì loại di chúc này “*Người lập di chúc phải tự tay viết và ký vào bản di chúc. Việc lập di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 653 của Bộ luật này*” và quy định tại Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005 “*Di chúc phải ghi rõ di sản để lại và nơi có di sản...*”. Xét thấy, tờ di chúc do ông Lê Văn H xuất trình được đánh máy, nội dung di chúc không ghi rõ nơi có di sản và di sản mô tả không cụ thể, hơn nữa theo kết quả định giá tài sản ngày 06/7/2023 tại cấp sơ thẩm (BL 168) thì hiện nay không có ao nuôi cá trước mặt nhà diện tích 500m² như di chúc đã ghi. Như vậy, tờ di chúc lần cuối của ông Lê C2 và bà Thái Thị L lập ngày 14/7/2014 cho anh Lê Thành T3 không tuân thủ theo đúng quy định pháp luật như đã phân tích trên nên di chúc này không hợp pháp. Phía bị đơn cho rằng di chúc có những người thuộc hàng thừa kế ký tên trên di chúc nhưng theo quy định tại Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2005 thì người thừa kế theo pháp luật và người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới di chúc không được làm chứng cho việc lập di chúc nên lời nại của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Ông Lê Văn H cho rằng ông có bỏ tiền để sửa chữa nhà và làm mái hiên. Lời khai này của ông H không được các đồng thừa kế khác thừa nhận. Qua nội dung làm việc với người làm chứng vào ngày 13/7/2023 tại Toà án thì cả anh S và ông S1 đều khai việc sửa nhà do ông Lê C2 yêu cầu làm và tự ông C2 thanh toán. Ngoài ra, ông H cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc ông bỏ tiền để sửa nhà và hiên nhà nên yêu cầu này của ông H không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất ông H có bỏ chi phí làm tường rào, trồng

một số cây ăn quả như nội dung Biên bản định giá ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án; về chi phí san lấp ao theo biên bản xác minh tại UBND phường G ngày 28/7/2023 (BL 197) xác nhận trên bản đồ năm 2001 và 2005 không thể hiện cái ao trên thửa đất phù hợp với Biên bản định giá ngày 06 tháng 7 năm 2023 hiện nay không có ao, hơn nữa căn cứ theo Công văn số 153/UBND-ĐC-XD ngày 19/9/2023 của UBND phường G (BL 271) trả lời cho Tòa án có nội dung ông H tự đào ao nuôi cá sau đó tự ý lấp ao để trồng cây nên đây là việc ông H tự ý cải tạo đất phục vụ cho mục đích cá nhân ông H lẽ ra không chấp nhận bồi thường chi phí san lấp ao cho ông H, Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện thừa nhận trả công san lấp ao 35.000.000đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả công san lấp ao cho ông H 35.000.000đ.

[7] Phân chia di sản thừa kế:

Cụ Thái Thị L chết năm 2014, cụ Lê C2 chết năm 2018, sau khi cụ L và cụ C2 mất thì anh Nguyễn Thành T10 là người quản lý di sản, đứng tên đóng thuế đất và sinh sống trên thửa đất này nên cần tính cho anh T10 công sức đóng góp vào việc quản lý, gìn giữ di sản gần bằng với một kỷ phần đối với di sản cụ L, cụ C2 để lại là 100.000.000đ, đồng thời anh Nguyễn Thành T10 có đại diện kê khai nộp thuế sử dụng đất cho ông Lê C2 28.045.000đ. Do đó sau khi trừ đi công sức đóng góp vào việc quản lý, gìn giữ di sản và đóng thuế đất để trả cho anh T10 thì di sản còn lại để chia thừa kế có giá trị 1.748.577.000đ. Đây là tài sản chung của ông C2, bà L nên mỗi người được 1/2 giá trị là 874.289.000đ.

[6.1] Phân chia di sản thừa kế của bà Thái Thị L chết năm 2014.

Những người thừa kế theo pháp luật của bà L là: ông Lê C2 (chồng) và 11 người con: Ông Lê Văn T4 (ông T4 chết năm 2020 có vợ là bà Trần Thị Mỹ D và các con Lê Trần Thị Tú U, Lê Trần Thị Cẩm T5, Lê Trần Thị Thùy T6, Lê Trần Hải H2 được hưởng phần ông T4), bà Lê Thị T1, ông Lê Công T2 (ông T2 chết năm 1999 có con là Lê Văn S thừa kế thế vị), ông Lê Công M, ông Lê Minh T, ông Lê Văn C, bà Lê Thị C1, ông Lê Văn X, bà Lê Thị Thu N, bà Lê Thị Thu H1, ông Lê Văn H. Phân chia di sản theo trị giá mỗi kỷ phần thừa kế của bà Thái Thị L được nhận: $874.289.000đ : 12 = 72.857.000đ$.

[6.2] Phân chia di sản thừa kế của ông Lê C2 chết năm 2018:

Những người thừa kế theo pháp luật của ông C2 gồm có 11 người con chung với bà L và 06 người con riêng của ông C2 gồm: Bà Lê Thị Kim O (anh Lê Tiến K thừa kế thế vị), ông Lê Văn T7; bà Lê Thị T8 (ông Lê Văn H3, chị Lê Thị Thùy T6 được hưởng), ông Lê Văn X, bà Lê Thị Thu H1, ông Lê Văn H4. Do bà Lê Thị Thu H1, ông Lê Văn H4 từ chối nhận di sản thừa kế của ông Lê C2 nên phân chia di sản thừa kế của ông C2 chia cho 11 người con chung với bà L và 04 người con riêng, mỗi kỷ phần thừa kế được nhận giá trị:

$$(874.289.000đ + 72.857.000đ) : 15 = 63.143.000đ.$$

[7] Phân chia bằng hiện vật: Xét thấy ông Nguyễn Minh T11 được các đồng thừa kế khác gồm: Bà Trần Thị Mỹ D và các con Lê Trần Thị Tú U, Lê Trần Thị

Cầm T5, Lê Trần Thị Thùy T6, Lê Trần Hải H2 là những người được hưởng phần ông Lê Văn T4; bà Lê Thị T1; ông T2 chết năm 1999 có con là Lê Văn S thừa kế thế vị ông Lê Công T2; ông Lê Công M; ông Lê Văn C; bà Lê Thị C1; ông Lê Văn X; bà Lê Thị Thu N; bà Lê Thị Thu H1; ông Lê Văn T7; ông Lê Văn H3 và Lê Thị Thùy T6 là những người được hưởng phần bà Lê Thị T8 đều tặng cho phần thừa kế bằng hiện vật cho ông T7. Do đó, giao cho ông Lê Minh T12 được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất thuộc một phần thừa số 41, tờ bản đồ số 05 (đo vẽ năm 2005) tọa lạc tại tổ A, KV1, phường G, TP, tỉnh Bình Định nhà ở diện tích 129,1m², diện tích đất 1.080,2m² là di sản thừa kế của ông Lê C2 và bà Thái Thị L và ông T12 có nghĩa vụ thanh toán lại kỹ phần thừa kế cho ông Lê Văn H, ông Lê Văn X mỗi người 136.000.000đ (72.857.000đ + 63.143.000đ); anh Lê Tiến K 63.143.000đ là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[8] Thanh toán các chi phí khác: Do ông Nguyễn Minh T11 được giao di sản thừa kế để sở hữu, sử dụng nên có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Nguyễn Thành T10 128.045.000đ (tiền thuế và công sức bảo quản di sản); thanh toán cho ông Lê Văn H chi phí san lấp ao 35.000.000đ, chi phí xây tường rào: 35.859.000đ (gồm móng đá chẻ: 22.963.000đ; trụ bê tông 3.750.000đ, lưới B40: 9.146.000đ); giá trị các cây ăn trái: 15.266.000đ (gồm dừa xiêm 16 cây x 600.000đ/cây = 9.600.000đ; Chuối 180 cây x 26.000đ/cây = 4.680.000đ; Bưởi 02 cây x 90.000đ/cây = 180.000đ; Xoài 02 cây x 168.000đ/cây = 336.000đ; Cây có quả 02 cây x 160.000đ/cây = 320.000đ; Mít 01 cây = 150.000đ).

[9] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N1, anh Lê Thành T3 sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính cho anh Lê Thành T3 công sức đóng góp vào việc quản lý, gìn giữ di sản gắn liền với một kỹ phần đối với di sản cụ L, cụ C2 để lại là 100.000.000đ.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tại cấp sơ thẩm: 15.853.000đ ông Lê Minh T đã tạm ứng 12.853.000đ, ông Lê Văn H đã tạm ứng 3.000.000đ. Các đương sự phải chịu tương ứng với phần tài sản được chia và nhận của các thừa kế khác theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật tố tụng Dân sự và phải hoàn trả lại người đã tạm ứng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn H, ông Lê Văn X và anh Lê Tiến K phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia.

Ông Lê Minh T phải chịu án phí phần được chia và phần được nhận của các thừa kế khác. Ông Lê Minh T có đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn để được giảm án phí và được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận. Tuy nhiên, theo bản án có hiệu lực pháp lực thì ông Lê Minh T có tài sản để nộp toàn bộ án phí, theo điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên ông Lê Minh T không được xét giảm án phí.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H, bà Hồ Thị N1, anh Lê Thành T3 không phải chịu, H6 lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông H, bà N1, anh T3.

[13] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn H, bà Hồ Thị N1, anh Lê Thành T3. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm số 211/2023/DS-PT ngày 16/9/2023 của TAND thành phố Quy Nhơn theo hướng công nhận di chúc ngày 15/7/2014, giao anh Lê Thành T3 được hưởng di sản căn nhà cấp 4 diện tích 120m² và 500m² đất ao (đã lấp) thuộc một phần thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại tổ A, khu V, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định; phần còn lại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5 chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế; buộc anh T3 phải trả công lấp ao cho ông Lê Văn H số tiền 42.747.150đ là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 653, 654, 655 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 618, 623, 650, 651, 652, 660, 688, Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N1, anh Lê Thành T3. Sửa bản án sơ thẩm số 211/2023/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Xác định ngôi nhà 129,1m² gắn liền quyền sử dụng diện tích đất 1.080,2m² (đất ở 150m², đất vườn 930,2m²) thuộc một phần thửa đất số 41, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại tổ A, Khu V, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định là di sản thừa kế của ông Lê C2 và bà Thái Thị L (có sơ đồ bản vẽ ngày 21/10/2022 kèm theo).

3. Xác định di chúc của ông Lê C2 và bà Thái Thị L lập ngày 14/7/2014 cho anh Lê Thành T3 là không hợp pháp.

4. Giao ông Lê Minh T được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà 129,1m² gắn liền quyền sử dụng diện tích đất 1.080,2m² (đất ở 150m², đất vườn 930,2m²) thuộc một phần thửa đất số 41, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại tổ A, Khu V, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định và sở hữu các tài sản trên đất (móng đá chẻ 17,15m², trụ bê tông cốt thép 35 trụ: 0,7m³; lưới B40: 114,336m và các cây cối gồm 16 cây dừa xiêm, 180 bụi chuối; 02 cây bưởi, 02 cây xoài, 02 cây có quả đường kính < 10 cm, 01 cây mít theo Biên bản định giá ngày 06 tháng 7 năm 2023).

Đất có tứ cận tứ cận: Đông giáp nhà ông Lê Văn S; Tây giáp nương; Nam giáp nương; Bắc giáp đường bê tông, miếu.

Ông Lê Minh T được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Buộc ông Lê Minh T có nghĩa vụ thanh toán cho:

- Ông Lê Văn H: giá trị kỷ phần thừa kế được chia là 136.000.000đ; chi phí san lấp ao 35.000.000đ; chi phí xây tường rào là 35.859.000đ; giá trị cây cối: 15.266.000đ. Tổng cộng: 222.125.000đ.

- Ông Lê Văn X giá trị kỷ phần thừa kế được chia là 136.000.000đ;

- Anh Lê Tiến K giá trị kỷ phần thừa kế được chia là 63.143.000đ.

- Anh Lê Thành T3 tiền truy thu thuế 28.045.000đ và 100.000.000đ công sức bảo quản di sản. Tổng cộng 128.045.000đ.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm:

- Ông Lê Văn H, ông Lê Văn X mỗi người phải chịu 1.233.000đ

- Anh Lê Tiến K phải chịu 572.000đ.

- Ông Lê Minh T phải chịu 12.815.000đ.

Ông Lê Minh T đã nộp tạm ứng 12.853.000đ, ông Lê Văn H đã nộp tạm ứng 3.000.000đ. Nên anh Lê Tiến K phải hoàn trả ông Lê Minh T 38.000đ, hoàn trả ông Lê Văn H 534.000đ; ông Lê Văn X hoàn trả ông Lê Văn H 1.233.000đ.

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn H và ông Lê Văn X mỗi người phải chịu 6.800.000đ.

- Anh Lê Tiến K phải chịu đồng 3.157.000đ.

- Ông Lê Minh T phải chịu 54.403.000đ được khấu trừ 500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004253 ngày 19 tháng 7 năm 2022 nên ông T còn phải nộp 53.903.000đ.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H, bà Hồ Thị N1, anh Lê Thành T3 không phải chịu. H6 lại cho ông H, bà N1, anh T3 mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000618, 0000617, 0000619 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

9. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

9.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

9.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Quy Nhơn;
- CCTHADS thành phố Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng